

ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ NHẪM ĐẠT TĂNG TRƯỞNG BAO TRÙM CỦA SINGAPORE VÀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

★ TS HỒ THANH THỦY

★ THS, NCS NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Viện Kinh tế chính trị học,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Thể chế đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng bao trùm của một quốc gia. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đồng bộ thể chế của Singapore trên các nội dung như thể chế hành chính, thể chế kinh tế, thể chế chính trị, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam trong quá trình đổi mới thể chế, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng bao trùm.
- **Từ khóa:** thể chế, đồng bộ thể chế, Singapore, tăng trưởng bao trùm.

Sau 30 năm kể từ khi được tách ra từ Malaysia và trở thành quốc gia độc lập từ ngày 9-8-1965, Singapore với diện tích 660 km², dân số khoảng 5,6 triệu người, nghèo nàn về tài nguyên và có xuất phát điểm thấp, đang là quốc gia phát triển hàng đầu thế giới. Nếu như năm 1960, thu nhập bình quân đầu người của quốc gia này mới chỉ đạt 427 USD thì đến năm 2017 đạt 60.298 USD, năm 2018 là 64.582 USD và năm 2019 là 69.298 USD⁽¹⁾. Hiện nay, hầu hết các ý kiến đều cho rằng, thành công của Singapore là nhờ xây dựng đồng bộ thể chế bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững cho nền kinh tế đất nước.

1. Thành công của Singapore trong xây dựng đồng bộ thể chế thực hiện tăng trưởng bao trùm

Thứ nhất, về thể chế hành chính

Về sử dụng công chức, cố Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu, người đã kiến tạo nên đất nước Singapore hiện đại từng phát biểu: “Không có cách nào để vận hành một đất nước tốt hơn là dùng người giỏi nhất cho công việc khó khăn nhất”. Với quan điểm đó, Ông đã tập hợp những người giỏi nhất để làm việc trong các cơ quan chính phủ, tạo ra một bộ máy hành chính ưu việt và được quản trị hiệu quả. Năm 1983, Ông đã áp dụng mô hình của Tập đoàn Shell để đánh giá đội ngũ công chức. Bộ máy công chức được tổ chức theo nguyên tắc kỷ luật, hiệu quả, hợp lý và dựa trên năng lực. Cán bộ, công chức được tuyển dụng, đề bạt, cất nhắc căn cứ vào khả năng, chuyên môn thực tế, không chỉ dựa vào tiêu chuẩn bằng cấp. Mọi cán bộ cấp cao đều

phải được đào tạo bắt buộc, thường xuyên trong quá trình công tác. Theo Ông, sự liêm khiết, hiệu suất làm việc của các bộ trưởng và quan chức cấp cao của Chính phủ sẽ quyết định sự sống còn của Singapore. Ngoài ra, Chính phủ Singapore còn thực hiện phân cấp, phân quyền cho các đơn vị tự chủ, giữ quyền định hướng chính sách và kiểm tra, giám sát cho các cơ quan Trung ương; xây dựng văn hóa làm chủ, lòng tự hào nghề nghiệp và không ngừng cải tiến công tác thông qua đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các chương trình cải cách.

Về công tác quản trị công, Singapore chú trọng xây dựng xã hội cởi mở và công bằng, xây dựng lòng tin của người dân đối với cơ quan công quyền và khuyến khích sự tự đổi mới, tạo điều kiện cho công chức trẻ, có tài năng học tập, rèn luyện qua nhiều vị trí; áp dụng cách thức tổ chức phối hợp liên ngành, phát huy sức mạnh tổng thể của cả hệ thống công vụ, chính phủ và quốc gia đối với những vấn đề phức tạp cần có sự phối hợp giải quyết.

Từ năm 1990, Chính phủ Singapore đã tập trung xây dựng các thể chế hướng tới nền quản trị chuyên nghiệp như: xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cao với khuôn khổ pháp lý chặt chẽ. Khu vực công đã chuyển từ vai trò điều tiết, cung ứng dịch vụ sang trợ giúp, tạo điều kiện và thống nhất các hoạt động kinh doanh, bảo đảm môi trường thuận lợi (về cơ sở hạ tầng, nền tảng thương tôn pháp luật, chế độ thuế, cấp phép...). Chính phủ ủy quyền cho các cơ quan tác nghiệp trực tiếp thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ, cấp Bộ chỉ có trách nhiệm hoạch định chính sách và xây dựng những văn bản pháp quy chính yếu. Hầu hết doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên cơ sở lợi nhuận, chịu sự điều chỉnh của pháp luật giống như doanh nghiệp tư, và không còn công

chức quản lý doanh nghiệp. Việc xây dựng chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai mạnh mẽ, với cơ chế “một cửa, không nhằm cửa” giúp liên thông, khắc phục tối đa hạn chế về ranh giới giữa các cơ quan với nhau, với đối tác và người dân. Việc không ngừng cải cách hành chính, hợp lý hóa cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động bằng những giải pháp cải cách hành chính quy mô lớn như: áp dụng bộ quy chuẩn ISO 9000 trong bộ máy hành chính; xây dựng chính phủ điện tử và đang bước sang giai đoạn phát triển công dân điện tử; cân bằng việc hợp tác công - tư, tư nhân hóa; kiểm soát tham nhũng là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chương trình nghị sự của Chính phủ; tăng sức mạnh cho cơ quan điều tra tham nhũng, đã giúp Singapore đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia nhanh, bền vững.

Thứ hai, về thể chế kinh tế

Trong mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, Nhà nước có vai trò định hướng, điều tiết nhưng không can thiệp vào các hoạt động kinh doanh cụ thể; đề cao tinh thần trách nhiệm của cả Nhà nước và doanh nghiệp, hạn chế tối đa nạn quan liêu, tham nhũng và lũng đoạn của tư bản nhà nước. Các doanh nghiệp nhà nước cũng được quản lý chặt chẽ theo các nguyên tắc thị trường. Quan điểm của Singapore là đặt các doanh nghiệp (không phân biệt trong nước, nước ngoài, hình thức sở hữu) trong môi trường cạnh tranh quốc gia bình đẳng, theo kiểu chọn lọc tự nhiên. Nhà nước không bảo hộ, nhưng ưu tiên đầu tư cho doanh nghiệp hoạt động trong các ngành quan trọng bằng cổ phần lớn của Nhà nước. Nhà nước bán cổ phiếu cho người dân khi các doanh nghiệp này đủ mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, chẳng hạn như với Công ty Vận tải biển Neptune và

Công ty Bus Services - hai tập đoàn lớn tại Singapore.

Singapore luôn coi nhân lực là nhân tố cực kỳ quan trọng cho quá trình phát triển kinh tế và cho rằng: “Mọi cố gắng bằng không khi dân không được giáo dục và đào tạo một cách bài bản, chuẩn mực”. Do nguồn cung lao động hạn chế, Chính phủ Singapore đã can thiệp vào thị trường lao động để đẩy mức lương lên mức cạnh tranh và thúc đẩy hợp tác giữa các công đoàn. Người dân được giáo dục tốt, thông thạo tiếng Anh, là lực lượng lao động có chất lượng nhất và cạnh tranh nhất ở châu Á. Singapore cũng thu hút lượng lớn nhân lực nước ngoài thông qua cơ chế đặt lương được ban hành năm 1972, theo đó đưa ra hướng dẫn thực hiện lộ trình tăng lương không bắt buộc. Singapore còn xây dựng một thể chế thương mại tự do và xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu hút các MNCs thông qua cung cấp nhiều ưu đãi.

Nhà nước Singapore gần như can thiệp vào tất cả các thị trường của nền kinh tế. Đối với thị trường đất đai, Nhà nước can thiệp để bảo đảm nguồn cung đất công nghiệp ổn định; hoàn thành đầu tư khu nhà ở dưới hình thức chương trình nhà ở công cộng lớn, đến nay đã cung cấp hơn 80% số căn nhà cho người dân Singapore và là một trong những chương trình tốt nhất trên thế giới.

Nhà nước cũng kiểm soát thị trường vốn nhằm bảo đảm hệ thống tài chính hoạt động tốt. Với một nền kinh tế mạnh, môi trường chính trị ổn định, Singapore nhanh chóng trở thành một trung tâm tài chính lớn ở châu Á, thu hút các tập đoàn tài chính quốc tế lớn từ khắp nơi trên thế giới.

Trong khi nhiều nước đang phát triển chấp nhận tư nhân hóa và tái cơ cấu khu vực nhà nước do tình trạng nợ công thì Singapore lại áp dụng mô hình quản lý doanh nghiệp đối với một số

đơn vị dịch vụ công trong khi vẫn duy trì sở hữu công. Việc phát triển năng lực dựa trên sự chuyển đổi từ tư duy “thực hiện theo nhiệm vụ được giao” sang “hợp tác”, từ “việc của tôi, trách nhiệm của tôi” sang “hãy cùng nhau làm việc”, và từ “cung ứng dịch vụ” sang “kiến tạo giá trị” đã mang lại hiệu quả cao cho các tổ chức kinh tế nhà nước của Singapore.

Thứ ba, về thể chế chính trị

Mặc dù Singapore có chính thể đa nguyên, xây dựng theo mô hình dân chủ nghị viện truyền thống của phương Tây nhưng quản trị nhà nước của Singapore không hoàn toàn theo những tiêu chí và giá trị của phương Tây, mà có sự kết hợp hiệu quả với những giá trị truyền thống của dân tộc.

Trong suốt gần 60 năm qua, Singapore do một Đảng lãnh đạo là Đảng Nhân dân hành động (PAP), các đảng đối lập hoạt động yếu. Hệ tư tưởng của PAP có 4 điểm chính như: (i) chủ nghĩa thực dụng; (ii) chế độ nhân tài; (iii) các giá trị châu Á; và (iv) chủ nghĩa cộng đồng. Về hệ thống dân chủ, cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu từng cho rằng, những gì một quốc gia cần cho phát triển là kỷ luật hơn là dân chủ. Sự thừa thãi của dân chủ dẫn đến tình trạng vô trật tự, điều này không hỗ trợ cho phát triển. Tuy nhiên, PAP không hoàn toàn độc tài theo kiểu Đảng cầm quyền toàn trị. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, PAP đã thể hiện được vai trò, vị thế cầm quyền nhờ những nỗ lực phát triển đất nước, được nhân dân tín nhiệm: (i) lấy phát triển kinh tế nhanh và bền vững làm tiên đề cho sự ổn định chính trị, xã hội và xây dựng tính chính đáng; (ii) thực hiện tập trung quyền lực thông qua bộ máy nhà nước; (iii) xây dựng hình ảnh là đảng thống nhất, đoàn kết, trong sạch và thân dân; (iv) thực hiện duy trì phản biện xã hội nhưng kiên quyết ngăn chặn các lực lượng đối lập.

2. Bài học đối với Việt Nam trong đổi mới hệ thống thể chế theo hướng bảo đảm mục tiêu tăng trưởng bao trùm

Một là, nâng cao nhận thức về vai trò của thể chế đối với tăng trưởng bao trùm

Để xây dựng hệ thống thể chế đảm bảo tăng trưởng bao trùm, trước hết cần thống nhất nhận thức về thể chế. Cho đến nay, tất cả các ý kiến về thể chế đều khẳng định thể chế có vai trò đặc biệt quan trọng đối với định vị hành vi của từng chủ thể trong quan hệ xã hội. Mặc dù còn có các cách tiếp cận khác nhau, nhưng các ý kiến đều thống nhất cho rằng, thể chế là một cấu trúc tổng thể, trong đó thể hiện sự vận hành đồng bộ của 3 yếu tố: các tổ chức, chủ thể tham gia; các quy tắc vận hành, cơ chế thực thi; môi trường mà các chủ thể và các quy tắc vận hành, cơ chế thực thi trong đó. Nói một cách dễ hiểu, thể chế bao gồm “Người chơi, luật chơi và sân chơi hay nội dung chơi”. Đối với một quốc gia, thể chế phát triển là sự gắn kết, tác động hài hòa của 3 thể chế thành phần chủ yếu: thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội (trong đó bao hàm thành tố văn hóa, con người và quan hệ con người với tự nhiên). Ba thể chế thành phần này có vai trò và chức năng khác nhau, nhưng liên quan mật thiết, tương tác và chế định lẫn nhau theo quy luật nhân - quả, hình thành nên các mô hình thể chế phát triển khác nhau, vận hành trong mối quan hệ cốt lõi giữa nhà nước, thị trường và xã hội.

Thể chế phát triển nhanh, bền vững là thể chế mang tính dung hợp cao, tính “vượt trội” để có khả năng đón nhận có hiệu quả các xu thế và mô hình phát triển mới, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời hóa giải được các thách thức, huy động và sử dụng có hiệu quả tất cả các nguồn lực, trong đó đặt trọng tâm vào nguồn lực con người chất lượng cao và khoa học

- công nghệ hiện đại, bảo đảm sự phát triển dựa vào năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Thứ hai, xác định vai trò định hướng của Nhà nước trong thúc đẩy tăng trưởng bao trùm

Vai trò định hướng của Nhà nước thúc đẩy tăng trưởng bao trùm cần được xác định và thực thi trên các phương diện định hướng phát triển kinh tế theo ngành, thực thi các biện pháp giảm bất bình đẳng.

Về định hướng phát triển kinh tế theo ngành cần phát huy những lợi thế về địa kinh tế của Việt Nam để thúc đẩy quá trình tham gia vào chuỗi giá trị, bắt kịp với các nước phát triển. Phát triển các ngành có giá trị cao, giúp xác lập được lợi thế so sánh mới trong nền kinh tế khu vực và thế giới và tạo ra được nhiều việc làm tốt. Có chính sách đặc thù để thiết lập các thể chế kiến tạo, thúc đẩy sự phát triển các ngành tạo việc làm cho những người lao động ít kỹ năng và dễ bị tổn thương như: nông nghiệp, công nghiệp chế tạo sử dụng nhiều lao động, xây dựng, thương mại và dịch vụ nhỏ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới

Nhận thức đúng, giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa các thể chế thành phần, trong đó thể chế chính trị phải đóng vai trò định hướng, dẫn đường; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN phải là thể chế kinh tế phù hợp, hiệu quả, hiện đại, tạo nền tảng vật chất cho sự phát triển; thể chế xã hội hướng tới phát huy những giá trị mới, nuôi dưỡng khát vọng, giải phóng và phát huy tính sáng tạo, trách nhiệm xã hội của các chủ thể trong xã hội, tạo động lực phát triển.

Về thể chế chính trị: yêu cầu hàng đầu trong đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị là tiếp

tục tập trung đẩy mạnh đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước, lãnh đạo xây dựng thể chế phát triển hiện đại, hiệu quả. Nâng cao năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Tập trung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN theo yêu cầu “Liên chính - kỷ cương - hành động - sáng tạo - hiệu quả”, coi đây là khâu trung tâm của xây dựng thể chế phát triển, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bao trùm trong giai đoạn mới.

Về thể chế kinh tế: tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng

XHCN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN”, trong đó tập trung hoàn thiện mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc “Nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội năng động, sáng tạo”. Tháo gỡ những “nút thắt”, những bất cập về thể chế để phát huy cao nội lực và tiềm năng, sức mạnh của các thành phần kinh tế và của cả xã hội; đồng thời xây dựng, hoàn thiện thể chế để có thể tận dụng hiệu quả những cơ hội phát triển mới trong kinh tế và trong khoa học - công nghệ.

Về thể chế xã hội: trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi về mặt xã hội dưới tác động của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, cần hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, khắc phục sự phân hóa giàu - nghèo, sự phát triển mất



Đất nước Singapore _ Ảnh: IT

cân đối giữa các vùng, miền; tập trung vào những nội dung bức thiết về hình thành và phát triển các giá trị văn hóa, giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu và làm động lực nội sinh trong phát triển nhanh - bền vững đất nước. Thực hiện có hiệu quả dân chủ trong xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức, cơ quan của Đảng và Nhà nước. Nâng cao niềm tin, sự tín nhiệm của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Phương thức đổi mới thể chế phải dựa trên cơ sở rà soát toàn bộ từ thể chế kinh tế, đến thể chế chính trị, thể chế văn hóa, thể chế xã hội, phát hiện những mâu thuẫn, sự thiếu gắn kết, sự chông chéo của các quy định pháp luật, từ đó xác định nội dung đổi mới trong từng thể chế bảo đảm đồng bộ giữa các thể chế. Cho đến nay, việc rà soát thể chế chủ yếu được thực hiện theo phương thức: chủ thể nào dự thảo thể chế thì chủ thể đó phải thực hiện rà soát, trong khi công việc dự thảo thể chế được phân công chuyên trách cho các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực mà thể chế đó cần được áp dụng, do đó, việc xây dựng dự thảo và rà soát thể chế có thể bị ảnh hưởng bởi lợi ích nhóm, làm cho các thể chế sau khi rà soát vẫn mang tính cục bộ về lợi ích, chông chéo về nội dung, thiếu gắn kết giữa các thể chế với nhau. Để khắc phục tình trạng này, thời gian tới cần giao trách nhiệm rà soát thể chế cho một tổ chức thuộc Quốc hội (có thể là các tiểu ban thuộc Quốc hội) với sự tham gia của các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên ngành.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống luật pháp bảo đảm tính bình đẳng về cơ hội cho các chủ thể trong xã hội

Khi bàn về thể chế, trong Văn kiện Đại hội XII đặc biệt chú trọng hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách⁽²⁾, từ đó có thể khẳng định thành tố

cốt lõi của thể chế cần được chú trọng trong đổi mới là các quy định của pháp luật. Để hoàn thiện hệ thống luật pháp hiện hành, cần:

Một là, loại bỏ đặc quyền, bảo đảm sự bình đẳng của các chủ thể kinh doanh trong tiếp cận các nguồn lực phát triển, đặc biệt là các nguồn lực thuộc sở hữu toàn dân đang được Nhà nước thống nhất quản lý. Trong quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mặc dù hệ thống thể chế kinh tế đã được đổi mới song chưa đồng bộ, thể hiện sự bất bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, giữa các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, giữa các vùng miền khác nhau trong tiếp cận các nguồn lực phát triển.

Hai là, bảo đảm và không ngừng nâng cao điều kiện sống tối thiểu của người dân, tạo cơ hội cho phát triển năng lực của các cá nhân. Mô hình tăng trưởng bao trùm đòi hỏi phải đảm bảo cho mọi người dân quyền được sống, lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và có điều kiện để phát triển những năng lực của mình. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội qua 35 năm đổi mới, hệ thống luật pháp mới đã ngày càng hoàn thiện, góp phần thể hiện những ưu việt của chế độ xã hội mới mà chúng ta đang xây dựng. Tuy nhiên, song hành với những thành tựu trong giải quyết các vấn đề xã hội, những bức xúc xã hội nảy sinh cũng không ít, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng, chế độ, chính quyền. Thực tế đó cho thấy, hệ thống luật pháp, chính sách hiện hành còn nhiều bất cập, cần phải tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm công bằng xã hội, tạo điều kiện, cơ hội cho mọi thành viên của xã hội phát huy những năng lực của cá nhân trong phát triển. Mục tiêu thực hiện công bằng xã hội trong từng bước và trong từng chính sách phát triển đang gặp rất

nhiều rào cản từ chính sách cho đến thực thi chính sách.

Ba là, tăng cường hoàn thiện hệ thống luật pháp theo hướng cụ thể, rõ ràng, công khai và minh bạch, ổn định và có tính độc lập cao. Hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ, còn nhiều kẽ hở, quy định “mập mờ” chính là cơ hội rất tốt cho sự phát triển các hoạt động những nhiều và trực lợi, từ đó khiến cho chi phí phi chính thức của doanh nghiệp gia tăng, cản trở sự phát triển của những khu vực ngoài nhà nước, bởi đây là nhóm doanh nghiệp thường ít có tiếng nói và ảnh hưởng trong xã hội. Đồng thời, nó cũng dễ tạo điều kiện cho một số ít doanh nghiệp có quan hệ “thân hữu” với những nhóm quyền lực xã hội nắm quyền kiểm soát, và từ đó gây ra sự bất bình đẳng lớn trong tiếp cận nguồn lực, và tất yếu cũng là bất bình đẳng trong phân phối kết quả.

Dựa trên hệ thống luật pháp, các quy định của chính quyền các cấp phải được đổi mới theo hướng đơn giản các thủ tục hành chính, xóa bỏ dần việc cấp phép mà thay thế bằng các điều kiện cụ thể. Việc này sẽ tạo ra sự minh bạch và bình đẳng trong cơ hội cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp và quy định cũng cần phải bảo đảm tính ổn định. Sự không ổn định của chính sách sẽ là một thách thức rất lớn đối với những doanh nghiệp làm ăn chân chính muốn hoạt động và gắn bó lâu dài, góp phần mang lại sự thịnh vượng bền vững cho đất nước, nhưng lại là một sân chơi lý tưởng cho những doanh nghiệp hoạt động mang tính chất trực lợi, không vì lợi ích của xã hội, cộng đồng. Tính độc lập khi xây dựng hệ thống luật pháp và quy định là một điều rất quan trọng để đảm bảo sự phát triển bao trùm. Nếu như cơ quan xây dựng hệ thống luật pháp và các quy định cũng như cơ quan phê duyệt

các luật định này không có được sự độc lập, bị chi phối bởi các nhóm lợi ích trong xã hội thì cơ hội tiếp cận các nguồn lực sẽ không thể bình đẳng được, và như vậy sẽ không thể đạt được tăng trưởng bao trùm.

Như vậy, thể chế đóng một vai trò hết sức quan trọng chiến lược phát triển bền vững, sáng tạo và bao trùm, là một đòi hỏi mang tính cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Đổi mới thể chế là nội dung quan trọng nhất của các chính sách Đổi mới mà Việt Nam thực hiện từ năm 1986 và có vai trò quyết định đối với sự thành công của Việt Nam trong hơn 3 thập kỷ qua. Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đồng bộ thể chế của Singapore, có thể rút ra được các cách thức để Việt Nam thực hiện được quá trình chuyển đổi và những biện pháp cải cách nào cần được ưu tiên thực hiện, qua đó ủng hộ một lộ trình tăng trưởng bao trùm thúc đẩy cơ hội và sự tham gia tích cực của tất cả các nhóm dân cư vào nền kinh tế, đồng thời bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng cũng như phân phối lợi ích từ tăng trưởng một cách công bằng hơn. Tuy nhiên, các thể chế phát triển vừa mang tính phổ quát, vừa tùy thuộc rất nhiều vào truyền thống lịch sử, văn hóa, thiết chế văn hóa, xã hội... của mỗi nước. Vì thế, nghiên cứu về đổi mới thể chế luôn đòi hỏi sự sáng tạo, không rập khuôn, máy móc, và phải phù hợp với hiện thực của đất nước □

1. <https://tradingeconomics.com/singapore/gdp-per-capita>

2. UNDP: Kỷ yếu hội thảo quốc tế: *Cải cách kinh tế vì tăng trưởng bao trùm và bền vững, Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.